

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NAM TỪ LIÊM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **07/2023/HS-ST**

Ngày: 18/01/2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thúy Anh;

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Văn Minh;

Ông Vương Đình Quang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thùy Dung, Cán bộ Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm tham gia phiên tòa: Ông Lương Duy Bằng, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 03/2023/TLST-HS ngày 05 tháng 01 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2023/QĐXXST-HS ngày 05/01/2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn T1** Sinh năm: 2000;

Tên gọi khác: Không;

Giới tính: Nam;

ĐKKHKT: Thôn H1, xã H2, huyện T, thành phố H.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12;

Họ tên bố: Nguyễn Văn T2 - SN: 1970;

Họ tên mẹ: Trần Thị P - SN: 1970;

Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai;

Vợ, con: Không

Tiền án, tiền sự: Không

Bị bắt tạm giam 28/10/2022. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - Công an thành phố Hà Nội.

2. Họ và tên: **Nguyễn Vĩ T3** Sinh ngày 09/12/2004

Tên gọi khác: Không;

Giới tính: Nam;

ĐKHKT: Thôn H1, xã H2, huyện T, thành phố H.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 6/12;

Họ tên bố: Nguyễn Vỹ Q - SN: 1974;

Họ tên mẹ: Lê Thị B - SN: 1974;

Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai;

Vợ, con: Không

Tiền án, tiền sự: Không

Bị bắt quả tang ngày 12/9/2022. Tạm giữ ngày 13/9/2022. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - Công an thành phố Hà Nội. Tại thời điểm phạm tội T3 17 tuổi 09 tháng 04 ngày.

(Các bị cáo đều có mặt tại phiên tòa).

Người bào chữa cho bị cáo T3: Bà Nguyễn Thị N – Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm trợ giúp pháp lý Hà Nội (Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cháu Nguyễn Thị Bích T4, sinh ngày 17/12/2007; Địa chỉ: Số 13 H, phường N, thành phố N, tỉnh N. Người đại diện theo pháp luật cho cháu T4: Anh Nguyễn Văn H, sinh 1964. Địa chỉ: Số 13 H, phường N, thành phố N, tỉnh N – là bố đẻ của cháu T4 (Đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T3 liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 21 giờ 30 ngày 12/9/2022, tổ công tác Công an phường Đ làm nhiệm vụ tại khu vực tại ngõ 91 đường Đ, phường Đ, quận N, thành phố H phát hiện xe ô tô taxi hãng S BKS: 30A - 678.XX do Tưởng Văn A (sinh năm 1992, HKTT: xã H, huyện T, thành phố H) điều khiển có biểu hiện nghi vấn tiến hành theo dõi thì thấy Nguyễn Thị Bích T4 (sinh ngày 17/12/2007, HKTT: Số 13 H, phường N, thành phố N, tỉnh N) xuống xe nên tiến hành kiểm tra. Khi thấy lực lượng chức năng, T4 thả từ tay trái xuống dưới đất 01 gói nilon bên trong có chứa tinh thể màu trắng và 02 viên nén màu nâu hình mặt trời đều nghi là ma túy. Tại chỗ, T4 khai nhận số ma túy trên T4 đang cùng Nguyễn Vĩ T3 (người đang ngồi trên xe taxi) mang đi bán cho khách. Tiến hành kiểm tra xe taxi, tổ công tác đã bắt giữ T3, Văn A lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và dẫn giải đối tượng cùng

tang vật về trụ sở để điều tra làm rõ.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Thị Bích T4 và Nguyễn Văn T3 khai nhận Nguyễn Văn T1 là người đưa ma túy cho T4 và T3 đi bán. Ngày 28/10/2022, Nguyễn Văn T1 bị cơ quan điều tra Công an quận Nam Từ Liêm bắt giữ.

***Vật chứng thu giữ:**

- 01 gói nilon màu trắng kích thước khoảng 03 x 05 cm bên trong có chứa tinh thể màu trắng và 02 viên nén màu nâu hình mặt trời đều nghi là ma túy; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 vỏ màu đen lắp sim số 0366.387.XXX (thu giữ của Nguyễn Thị Bích T4)

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X vỏ màu đen lắp sim số 0977.680.XXX (thu giữ của Nguyễn Văn T3)

- 01 điện thoại Iphone 13 Pro max màu vàng lắp sim số 0384.610.XXX (thu giữ của Nguyễn Văn T1).

Kết luận giám định số 6487 ngày 21/9/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hà Nội kết luận:

+ *Tinh thể màu trắng bên trong 01 gói nilon là ma túy Ketamine, khối lượng: 1,437 gam.*

+ *02 viên nén màu nâu hình mặt trời đều là ma túy loại MDMA, tổng khối lượng: 0,730 gam.*

Căn cứ khoản 2 Điều 5 Nghị định 19/2018/NĐ – CP của Chính phủ ngày 02/02/2018, tổng tỷ lệ phần trăm khối lượng của Ketamine và MDMA là: 21,78% (dưới 100%).

Quá trình điều tra xác định:

Nguyễn Thị Bích T4 quan hệ tình cảm với Nguyễn Văn T3 từ khoảng tháng 5/2022, hiện T4 đang ở nhà T3 tại địa chỉ xóm Đ, thôn H, xã H, huyện T, thành phố H. Khoảng đầu tháng 9/2022, Nguyễn Văn T1 nói chuyện với T3 và T4 về việc T1 bán ma túy, cần thuê T3 và T4 đi bán ma túy cho T1. Khi có khách hỏi mua ma túy thì T1 sẽ đưa ma túy, thông tin người mua để cả hai đi giao, T1 trả công cho mỗi lần đi giao ma túy từ 200.000 – 300.000 đồng.

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 12/9/2022, T1 nhận được điện thoại từ số 0369.653.XXX gọi đến số 0567.515.XXX của T1 hỏi mua 01 chỉ ma túy “Ke” và 02 viên ma túy “Kẹo”, hẹn mang ma túy đến giao tại địa chỉ ngõ 91 đường Đ, phường Đ, quận N, thành phố H. T1 đồng ý và báo giá 2.600.000 đồng, đồng thời yêu cầu người này chuyển khoản trước cho T1 số tiền 2.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, T1 gọi đến số điện thoại 0366.387.XXX của Nguyễn Thị Bích T4 bảo T4 và T3 đến trước nhà văn hóa xóm C, xã H, huyện T, thành phố H để nhận

ma túy đi giao cho khách, cả hai đồng ý. Tại đây, T1 đưa cho T4 01 túi vải màu đen bên trong có chứa ma túy kẹo và “Ke” (T1 khai mua của một nam thanh niên không quen biết với giá 3.000.000 đồng) bảo T3 và T4 lấy 01 chỉ ma túy “Ke” và 02 viên “Kẹo” đi giao cho khách, số ma túy còn lại T1 sẽ lấy sau. T1 đưa cho thông tin số điện thoại, địa chỉ của người mua ma túy cho T3 và T4 đồng thời bảo T4 thu của khách mua 600.000 đồng tiền ma túy và 200.000 đồng tiền taxi. Sau khi nhận ma túy, T4 đưa gói ma túy lại cho T3 rồi cả hai đến quán trà chanh gần đó. T3 cầm mang vào nhà vệ sinh của quán thấy có khoảng 10 viên ma túy “Kẹo”; 01 túi ma túy “Ke”; 01 điện thoại Nokia và 01 cân điện tử. T3 dùng cân cân 01 chỉ “Ke” và lấy 02 viên “Kẹo” cho vào 01 túi nilon, số ma túy còn lại cùng cân điện tử và điện thoại T3 đưa cho T4 rồi cả hai mang cất giấu ở bãi gạch cạnh tường gần nhà T3. Sau đó, T3 gọi xe taxi của anh Tường Văn A chở cả hai đến ngõ 91 đường Đ, phường Đ, quận N, thành phố H để giao ma túy cho khách. Khi đến địa điểm hẹn, T4 cầm ma túy xuống xe đứng đợi còn T3 vẫn ngồi trên xe. Khi T4 đang đợi khách mua ma túy đến thì bị Cơ quan Công an kiểm tra bắt giữ. Sau khi biết T4 và T3 bị bắt thì T1 đã vứt bỏ chiếc sim điện thoại số 0567.515.XXX nên cơ quan điều tra không thu giữ được.

Tiến hành dẫn giải T3 và T4 xác định nơi cất giấu ma túy, cân điện tử ở khu vực đầu ngõ gần nhà T3 nhưng không thu giữ được vật chứng.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Vĩ T3 và Nguyễn Văn T1 khai nhận hành vi của mình như đã nêu trên.

Đối với Nguyễn Thị Bích T4, T4 khai ngoài việc cùng T3 bán ma túy vào ngày 12/9/2022 (thuộc trường hợp phạm tội nghiêm trọng) bị bắt quả tang thì trước đó vào ngày 01/9/2022, T1 còn đưa ma túy cho T4 và T3 đi bán cho khách sử dụng số điện thoại 0385.646.XXX. Tuy nhiên tại cơ quan điều tra Nguyễn Văn T1 không khai nhận việc đưa ma túy cho T3 và T4 đi bán vào ngày 01/9/2022. Tiến hành xác minh số điện thoại 0385.646.XXX xác định thuê bao đăng ký mang tên anh Nguyễn Văn T5 (sinh năm 1975, HKTT: Tổ 1, phường K, quận H, thành phố H). Anh T5 khai không đăng ký cũng như không sử dụng số điện thoại trên. Anh T5 không quen biết với T1, T3 và T4. Cơ quan điều tra tiến hành đối chất giữa T3, T4 với T1 nhưng T1 vẫn giữ nguyên lời khai. Ngoài lời khai của T3 và T4 không có tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh việc T3 và T4 đi bán ma túy cho T1 vào ngày 01/9/2022. Mặt khác, tại thời điểm phạm tội ngày 12/9/2022, T4 14 tuổi 08 tháng 26 ngày nên T4 chỉ phải chịu trách nhiệm về tội rất nghiêm trọng. Do đó, cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với Nguyễn Thị Bích T4.

Đối với đối tượng mua ma túy của T1 sử dụng số điện thoại 0369.653.XXX quá trình điều tra xác định thuê bao đăng ký mang tên anh Nguyễn Văn M (sinh năm 1989, HKTT: xã T, huyện Q, tỉnh N). Tại cơ quan điều tra anh M khai không đăng ký cũng như không sử dụng số điện thoại trên nên cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý.

Đối với đối tượng bán ma túy cho T1, quá trình điều tra không xác định được nhân thân, lai lịch nên cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý.

Đối với anh Tường Văn A khi chở T4 và T3 anh Văn A không biết mục đích cả hai đi bán ma túy nên cơ quan điều tra không xem xét xử lý.

Tại bản cáo trạng số 05/CT - VKS ngày 03/01/2023 của Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm bị cáo Nguyễn Văn T1 bị truy tố về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo Điểm e Khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự; bị cáo Nguyễn Văn T3 bị truy tố về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo Khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình, thành khẩn nhận tội và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quan điểm như cáo trạng truy tố và kết luận bị cáo Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Văn T3 đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, đối với bị cáo T1 quy định tại Điểm e Khoản 2 Điều 251, đối với bị cáo T3 quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự. Sau khi đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, xem xét tình tiết giảm nhẹ, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ:

+ Áp dụng điểm e, khoản 2, Điều 251; điểm s, khoản 1, Điều 51, Điều 38 BLHS, xử phạt bị cáo T1 từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù.

+ Áp dụng khoản 1, Điều 251; điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51, Điều 90, 91; Điều 38 BLHS, xử phạt bị cáo T3 từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù

Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

Xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đề nghị Tòa tuyên:

Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong có chữ ký của Nguyễn Thị Bích T4, cán bộ công an phường và giám định viên; Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 vỏ màu đen lắp sim số 0366.387.XXX;

Trả lại bị cáo T3 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X vỏ màu đen lắp sim số 0977.680.XXX; Trả lại bị cáo T1 01 điện thoại Iphone 13 Pro max màu vàng lắp sim số 0384.610.XXX.

Người bào chữa cho bị cáo T3: đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T3 vì bị cáo T3 phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi, nhận thức còn hạn chế, bố bị cáo T3 hiện đang bị ung thư vòm họng.

Lời nói sau cùng các bị cáo thấy ăn năn về hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an quận Nam Từ Liêm, Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm và của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại quá trình điều tra, bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai tại cơ quan điều tra cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 21h30 phút ngày 12/9/2022, Nguyễn Văn T1 đã có hành vi đưa cho Nguyễn Thị Bích T4 1,437 gam ma túy Ketamine và 0,730 gam MDMA để T4 cùng với Nguyễn Văn T3 đi bán. Khi T4 và T3 mang ma túy đến ngõ 91 đường Đ phườn Đ, quận N, thành phố H để bán cho khách thì bị tổ công tác Công an phườn Đ bắt quả cùng vật chứng.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T1 và bị cáo Nguyễn Văn T3 đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội danh và khung hình phạt đối với bị cáo T1 được quy định tại Điểm e Khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự; tội danh và khung hình phạt đối với bị cáo T3 được quy định tại Khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền kiểm soát các chất ma túy của Nhà nước, gây mất trật tự trị an, ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng. Các bị cáo nhận thức rõ việc mua bán ma túy là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố tình thực hiện. Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử có xem xét các tình tiết giảm nhẹ mà các bị cáo được áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Tình tiết giảm nhẹ: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, nhân thân chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo T1 có ông ngoại Trần Văn D và bà ngoại Bùi Thị C đều là người có công với cách mạng, được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhì. Đối với bị cáo T3, khi phạm tội bị cáo chưa thành niên (17 tuổi 09 tháng 04 ngày) nên nhận thức còn hạn chế. Bố bị cáo T3 hiện đang mắc bệnh ung thư vòm họng. Các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2, Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Đối với bị cáo T3 áp dụng Điều 90 Bộ luật hình sự.

Tình tiết tăng nặng: Không.

[5] Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã được phân tích ở trên: Xét thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian và áp dụng hình phạt tù có thời hạn trong khung hình phạt được quy định tại Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[6] Về hình phạt bổ sung: Các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy các bị cáo không có thu nhập ổn định vì vậy Hội đồng xét xử quyết định miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về vật chứng vụ án đã bàn giao cho Chi cục thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm là: 01 phong bì niêm phong có chữ ký của Nguyễn Thị Bích T4, cán bộ công an phường và giám định viên cần tịch thu tiêu hủy; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 vỏ màu đen lắp sim số 0366.387.XXX liên quan đến hành vi phạm tội cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X vỏ màu đen lắp sim số 0977.680.XXX cần trả lại do bị cáo T3 do không liên quan đến hành vi phạm tội; 01 điện thoại Iphone 13 Pro max màu vàng lắp sim số 0384.610.XXX cần trả lại do bị cáo T1 do không liên quan đến hành vi phạm tội.

[8] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điểm e, khoản 2, Điều 251; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2, Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T1 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Xử phạt Nguyễn Văn T1 07 (Bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/10/2022.

Áp dụng: khoản 1, Điều 251; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 90; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Vĩ T3 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Xử phạt Nguyễn Vĩ T3 24 (Hai mươi tư) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/9/2022.

Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự 2015; Điều 106, Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong có chữ ký của Nguyễn Thị Bích T4, cán bộ công an phường và giám định viên; Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 vỏ màu đen lắp sim số 0366.387.XXX; Trả lại bị cáo T3 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X vỏ màu đen lắp sim số 0977.680.XXX; Trả lại bị cáo T1 01 điện thoại Iphone 13 Pro max màu vàng lắp sim số 0384.610.XXX.

(Các vật chứng trên hiện Chi cục thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm đang quản lý theo biên bản giao, nhận vật chứng số 107 ngày 17/01/2023).

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có

quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các bị cáo; Người bào chữa; Người liên quan;
- VKSND Q.Nam Từ Liêm;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Công an Q.Nam Từ Liêm;
- TT lý lịch-Sở Tư pháp TP.Hà Nội;
- Chi cục THADS Q.Nam Từ Liêm;
- Lưu HS - VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thúy Anh